TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Ba trụ cột giá trị Phật giáo với giáo dục thẩm mỹ dân tộc

ISSN: 2734-9195 14:15 25/04/2026

Phật giáo Việt Nam sở hữu một hệ thống giá trị thẩm mỹ phong phú, được cất giữ trong ba trụ cột: Phạm trù tinh thần, thiết chế và quan hệ của Phật giáo.

Tác giả: **Phùng Duy Hiển*; Phan Văn Hải****

Tóm tắt: **Phật giáo** đồng hành cùng dân tộc Việt Nam hơn hai mươi thế kỷ, tích lũy một hệ thống giá trị thẩm mỹ phong phú, thể hiện qua phạm trù tinh thần, thiết chế và quan hệ của Phật giáo. Bài viết tiếp cận ba trụ cột đó từ góc nhìn mỹ học, đặt trọng tâm vào mỹ học Phật giáo. Trên cơ sở định hướng phát huy nguồn lực tôn giáo của Văn kiện Đại hội XIV, bài viết làm rõ những giá trị thẩm mỹ Phật giáo có thể góp phần bồi dưỡng giáo dục thẩm mỹ dân tộc trong kỷ nguyên mới.

Từ khóa: mỹ học Phật giáo, giáo dục thẩm mỹ, kỷ nguyên mới, giá trị tinh thần

Abstract: Buddhism has accompanied the Vietnamese nation for more than twenty centuries, accumulating a rich system of aesthetic values manifested through the spiritual categories, institutions, and relations of Buddhism. This article approaches these three pillars from an aesthetic perspective, placing emphasis on Buddhist aesthetics. Based on the orientation of promoting religious resources set forth in the Documents of the 14th National Congress, the article elucidates the Buddhist aesthetic values that can contribute to fostering national aesthetic education in the new era.

Keywords: Buddhist aesthetics; aesthetic education; new era; spiritual values.

1. Dẫn luận

Văn kiện Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định chủ trương: "*xác định tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng với dân tộc*"[2]. Trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới. Chủ trương đó đặt ra một bài toán khoa học: Phật giáo có thể

đóng góp gì, theo cách nào cho sự nghiệp giáo dục thẩm mỹ dân tộc trong điều kiện thể chế hiện hành?

Phật giáo đã gắn bó với dân tộc Việt Nam hơn 20 thế kỷ, "*hòa mình với tín ngưỡng và văn hóa bản địa, hình thành nên nền Phật giáo dân tộc, có ảnh hưởng sâu đậm và lâu dài*"[3]. Trong suốt tiến trình đó, Phật giáo không chỉ là một tôn giáo mà còn là một kho tàng di sản văn hóa, trong đó hệ thống giá trị thẩm mỹ là một trong những thành tố quan trọng nhất. Tuy nhiên, câu hỏi về sự đóng góp của Phật giáo đối với giáo dục thẩm mỹ vẫn chưa được giải đáp thỏa đáng trong học thuật Việt Nam.

Mục tiêu của bài viết nhằm làm rõ, cả về phương diện lý luận và những giá trị thẩm mỹ Phật giáo nằm ở ba trụ cột: Phạm trù tinh thần, thiết chế và quan hệ của Phật giáo. Phương pháp tiếp cận kết hợp phân tích phạm trù mỹ học, nghiên cứu lịch sử văn hóa và phân tích chính sách, quán triệt nguyên tắc tính đảng và tính khoa học.

2. Ba trụ cột giá trị Phật giáo với giáo dục thẩm mỹ dân tộc

Phật giáo không xây dựng một mỹ học hệ thống theo nghĩa Tây phương, song toàn bộ giáo lý thấm nhuần quan điểm thẩm mỹ về con người và thế giới. Như Hòa thượng Thích Giác Toàn đã nhận định trong tác phẩm Thẩm mỹ Phật giáo thời Lý Trần qua văn chương: "*Về mặt giáo lý, triết lý hay triết học của Phật giáo tự thân nó đã có đầy đủ tính chủ thể thẩm mỹ*"[4].

Trụ cột thứ nhất: Hệ phạm trù tinh thần mỹ học Phật giáo

Hệ phạm trù tinh thần mỹ học Phật giáo có ba phạm trù cốt lõi:

Thứ nhất, Chân - Thiện - Mỹ đây là mệnh đề trung tâm. Cái đẹp chân chính phải đồng thời là cái thật và cái thiện; vẻ đẹp hình thức chỉ có giá trị thẩm mỹ thực sự khi bắt nguồn từ sự thanh tịnh nội tâm. Thích Minh Châu chỉ ra rằng khái niệm "*tịnh*" trong mỹ học Phật giáo "*vượt qua vẻ đẹp hình thức*"[5], hướng đến sự thanh tịnh nội tâm như lý tưởng thẩm mỹ tối cao. Đây là luận điểm có sức cộng hưởng sâu sắc với phạm trù lý tưởng thẩm mỹ trong mỹ học Mác - Lênin: Cái đẹp chân chính phải là cái đẹp nhân văn, mang giá trị đạo đức và chân lý. Điều này mở ra hướng tiếp nhận có chọn lọc từ di sản Phật giáo vào giáo dục thẩm mỹ mà không vượt ra ngoài khuôn khổ phương pháp luận mỹ học duy vật biện chứng.

Thứ hai, Vô thường. Vô thường kiến tạo một mỹ học về cái đẹp phù du, trong đó giá trị thẩm mỹ nằm ở sự trân trọng khoảnh khắc hiện hữu chứ không phải ở sự chiếm hữu và bảo tồn vĩnh cửu. Vẻ đẹp ấy không nằm ở sự trường tồn bất biến, mà chính trong khoảnh khắc mong manh sắp vỡ, sắp tàn.

Một cánh hoa rơi, một tách trà nguội, một mối lương duyên ngắn ngủi, tất cả gợi lên niềm xót xa lặng lẽ, giúp ta chạm vào bản chất sâu xa của hiện hữu.

Thứ ba, Vô ngã. Vô ngã mở ra một chủ thể thẩm mỹ hòa tan, phủ nhận cái tôi kiểm soát và thay thế bằng kinh nghiệm cảm thụ thuần túy. Sự tàn phai và tái sinh là quy luật muôn thuở của tự nhiên; chính trong sự mong manh ấy, cái đẹp hiện lên với toàn bộ giá trị của nó. Từ mệnh đề đó, con người được khuyến khích chuyển hóa cái bi thành cái đẹp, sống trọn vẹn trong từng khoảnh khắc hiện tại. Đây là bài học thẩm mỹ có chiều sâu triết học, hoàn toàn có thể đưa vào giáo dục cảm thụ nghệ thuật mà không cần gắn với nội dung giáo lý tôn giáo.

Đặc biệt, cấu trúc chủ thể thẩm mỹ theo Vô ngã khác biệt căn bản với truyền thống phương Tây. Trong nghệ thuật Phục Hưng và hiện đại phương Tây, cái tôi cá nhân nghệ sĩ được đề cao như trung tâm sáng tạo. Nghệ thuật Phật giáo Việt Nam vận hành theo nguyên lý ngược lại: tác phẩm ẩn danh, tác giả hòa tan vào tập thể và truyền thống. Từ đó, tạo nên những kiệt tác mỹ thuật có chiều sâu tâm linh. Đây là gợi mở có giá trị cho giáo dục thẩm mỹ: Năng lực cảm thụ cái đẹp đôi khi cần sự buông bỏ cái tôi hơn là sự đề cao nó.

Thứ ba, Từ bi là phạm trù đạo đức đồng thời là phạm trù thẩm mỹ: Vẻ đẹp của tâm hồn được Phật giáo đo bằng độ rộng của của lòng yêu thương và khả năng xóa bỏ ranh giới giữa bản ngã và tha nhân. Thích Nhất Hạnh gọi đây là "*cái đẹp của sự không phân biệt*"[6], phạm trù gần gũi với lý tưởng thẩm mỹ trong mỹ học Mác - Lênin về con người toàn diện, tự do và nhân văn. Hình mẫu Bồ tát trong Phật giáo Đại thừa là hiện thân tiêu biểu nhất của mệnh đề đó: Trí tuệ, từ bi và dũng cảm hòa quyện thành một hình tượng thẩm mỹ độc đáo về con người lý tưởng. Đây là hạt nhân tạo nên tính nhân văn của mỹ học Phật giáo, hướng con người đến giác ngộ và phụng sự, không phải bằng sự chiếm hữu mà bằng sự buông bỏ.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh hoạ (Sưu tầm)

Trụ cột thứ hai: Thiết chế Phật giáo, không gian thẩm mỹ sống

Kiến trúc và cảnh quan tự viện. Hệ thống chùa tháp Việt Nam là một kho tàng di sản thẩm mỹ vật thể đồ sộ, được tích lũy qua nhiều thế kỷ. Như Thượng tọa Thích Thiện Hạnh đã khẳng định trong tham luận tại Hội thảo khoa học "*Kiến trúc Phật giáo Việt Nam - thống nhất trong đa dạng*" năm 2023: "*Hệ thống chùa, tháp, tượng Phật là một phần quan trọng trong hệ thống di sản văn hóa của người Việt*"[7]. Điều này phần nào nói lên vị thế và tầm quan trọng của di sản kiến trúc Phật giáo trong tổng thể văn hóa dân tộc.

Nguyên tắc mỹ học chi phối không gian Phật giáo là hòa nhập, cân bằng và hướng nội. Kiến trúc chùa Việt Nam "*gắn bó hài hòa với cảnh quan sông nước, núi đồi bao quanh, bố cục cân xứng và mở, thu giữ được khí thiêng của trời đất* ". Các công trình thường có độ cao khiêm tốn, hòa mình vào thiên nhiên, không tranh cạnh với cảnh quan xung quanh, tạo cảm giác bình yên và tĩnh tại. Đây chính là một bài học thẩm mỹ sâu sắc về quan hệ giữa con người và môi trường, bài học hoàn toàn có thể tiếp nhận qua giáo dục di sản trong nhà trường mà không cần gắn với nội dung tôn giáo.

Nghệ thuật tạo hình và điêu khắc Phật giáo. Tượng Phật, phù điêu, hoành phi câu đối trong hệ thống nghệ thuật tạo hình và điêu khắc Phật giáo là những văn bản thẩm mỹ đặc sắc, mã hóa quan niệm về cái đẹp của nhiều thế hệ nghệ nhân dân gian. Hệ thống điêu khắc tượng Phật trong các ngôi chùa cổ chính là minh chứng sống cho sự phát triển của lịch sử Phật giáo từ khi hình thành với

những sự giao thoa của các nền văn hóa hay hệ tư tưởng qua các giai đoạn. Phong cách tạo hình tượng Phật Việt Nam khác biệt rõ rệt với Trung Quốc và Ấn Độ, phản ánh sự tiếp thu và sáng tạo thẩm mỹ của dân tộc, biến di sản Phật giáo thành di sản văn hóa dân tộc thực sự.

Âm nhạc và lễ nhạc Phật giáo. Lễ nhạc Phật giáo Việt Nam, bao gồm các hình thức tán tụng, tụng niệm và nhạc lễ, là một bộ phận cấu thành quan trọng của âm nhạc truyền thống dân tộc. Tán "*Cảnh Vô Thường*", tụng kinh A Di Đà, bài hát Xàng Xê... đều là "*món ăn tinh thần*" đã "*ăn sâu bám rễ*" vào âm nhạc truyền thống. Đây là di sản âm nhạc phi vật thể có thể được đưa vào giảng dạy như một dạng di sản văn hóa. Việc tiếp cận âm nhạc Phật giáo từ góc độ thẩm mỹ học và di sản học, thay vì từ góc độ tôn giáo, là một hướng đi hoàn toàn khả thi và phù hợp với chủ trương phát huy nguồn lực văn hóa tôn giáo.

Trụ cột thứ ba: Quan hệ của Phật giáo, môi trường thẩm mỹ xã hội

Nếu hai trụ cột đầu phản ánh giá trị thẩm mỹ trong chiều sâu nội tâm và biểu hiện vật thể, thì trụ cột thứ ba mang tính xã hội học rõ nét nhất: Cái đẹp của Phật giáo hiện hữu trong các mối quan hệ, lan tỏa ra đời sống cộng đồng và có khả năng trở thành nguồn lực thăng tiến xã hội. Bốn loại quan hệ đặc trưng sau đây là những biểu hiện tiêu biểu nhất.

Một là, quan hệ giữa các Phật tử trong hành đạo. Mối quan hệ giữa các Phật tử trong cộng đồng hành đạo được kiến tạo trên nền tảng giới luật và tinh thần Tăng già. Cái đẹp biểu hiện ở đây là cái đẹp của trật tự tâm linh, mọi tương tác đều được định hướng bởi sự tôn trọng, khiêm cung và hỗ tương. Trong các khóa tu, lễ sám hối và sinh hoạt chùa chiền, tín đồ không chỉ học giáo lý mà còn trải nghiệm một môi trường quan hệ khác biệt so với đời sống thường nhật, trong đó cái tôi cá nhân được lùi lại, nhường chỗ cho tinh thần vô ngã phụng sự. Đây là một hình thức giáo dục thẩm mỹ nhân cách, diễn ra tự nguyện và bền bỉ. Giá trị thẩm mỹ của quan hệ này còn biểu hiện qua nghi thức: Trang phục giản dị, ngôn ngữ hòa ái, phong thái bình tĩnh. Tất cả tạo thành một hệ thống ký hiệu thẩm mỹ nhất quán, phản ánh triết lý của Phật giáo trong mọi chiều cạnh của đời sống.

Hai là, quan hệ giữa Phật tử với cộng đồng trong các hoạt động thế tục. Đây là chiều quan hệ có tính xã hội rộng nhất, là nơi cái đẹp Phật giáo lan tỏa mạnh mẽ nhất vào đời sống dân tộc. Các hoạt động từ thiện nhân đạo, cứu trợ an sinh, thiện nguyện, tổ chức khóa tu, lễ hằng thuận và tham gia đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội là những biểu hiện cụ thể và đa dạng của mối quan hệ đó. Cái đẹp ở đây là cái đẹp của hành động nhân văn.

Các hoạt động này đều mang tính thẩm mỹ rõ ràng: Vẻ đẹp của sự vô tư phụng sự, của lòng từ bi chuyển hóa thành hành động cụ thể. Đây là dạng nguồn lực xã hội đặc biệt, vừa mang giá trị an sinh thực tế, vừa kiến tạo vốn xã hội thông qua niềm tin và sự gắn kết cộng đồng. Đưa vào phạm trù giáo dục thẩm mỹ, những hoạt động đó là bằng chứng sống cho luận điểm của mỹ học Mác - Lênin: Cái đẹp đích thực phải gắn với thực tiễn xã hội và phục vụ con người.

Ba là, quan hệ giữa Phật giáo với môi sinh. Triết lý duyên khởi của Phật giáo cung cấp nền tảng lý luận cho lập trường thẩm mỹ sinh thái: Con người là một mắt xích hữu cơ trong mạng lưới tương tức của vạn hữu, không phải chủ thể thống trị tự nhiên. Từ lập trường đó, mọi sự sống đều mang giá trị nội tại, xứng đáng được tôn trọng. Cái đẹp biểu hiện trong quan hệ giữa Phật giáo với môi trường tự nhiên là cái đẹp của thái độ nâng niu sự sống, thể hiện qua hành vi phóng sinh, giữ giới không sát sinh, bảo vệ cây xanh trong khuôn viên chùa, tổ chức các ngày môi trường theo tinh thần Phật giáo.

Ở chiều kích với mối quan hệ xã hội, Phật giáo hướng tới lối sống lành mạnh, có trách nhiệm với cộng đồng vả thiên nhiên. Thực hành ăn chay, con cái hiếu kính cha mẹ, vợ chồng yêu thương nhau, nhẫn nhịn tạo đức… là những biểu hiện tiêu biểu, sâu sắc của lối sống đó.

Bốn là, quan hệ liên tôn, Phật giáo trong đối thoại tôn giáo. Phật giáo Việt Nam đã và đang thể hiện vai trò chủ động trong tiến trình đối thoại liên tôn, trên cả bình diện nhận thức lẫn hành động thực tiễn. Về nhận thức, Phật giáo chủ trương không đặt các vấn đề thần học vào trung tâm của đối thoại, bởi đó là địa hạt dị biệt căn bản giữa các tôn giáo. Thay vào đó, Phật giáo chủ động tìm kiếm sự tương đồng về giáo lý, mục tiêu và lý tưởng với các tôn giáo khác. Trong hoạt động, Phật giáo tích cực phối hợp với các tôn giáo khác trong nhiều mục tiêu xã hội: cứu trợ thiên tai, chăm sóc người nghèo, bảo vệ môi sinh, giáo dục đạo đức cộng đồng. Đây là địa hạt mà sự khác biệt giáo lý không còn là rào cản, nơi các tôn giáo cùng quy tụ xung quanh một mẫu số chung là phụng sự con người.

Cái đẹp biểu hiện trong quan hệ liên tôn là cái đẹp của sự khoan dung và tôn trọng dị biệt, phẩm chất mà mỹ học Phật giáo đặt nền tảng từ nguyên lý Từ bi và Vô ngã. Từ góc độ giáo dục thẩm mỹ, đây là minh chứng quan trọng: Cái đẹp của sự khoan dung và đối thoại có thể trở thành nguồn lực xã hội thực sự, góp phần thăng tiến cho xã hội Việt Nam trong kỷ nguyên mới.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh hoạ (Sưu tầm)

3. Kế thừa giá trị Phật giáo trong giáo dục thẩm mỹ kỷ nguyên mới

Trên cơ sở những phân tích về ba trụ cột giá trị thẩm mỹ Phật giáo, bài viết đề xuất các định hướng kế thừa cụ thể trên tinh thần: Nhà nước giữ vai trò chủ thể, Phật giáo đóng góp nguồn lực văn hóa; mọi hình thức lan tỏa giá trị đều thông qua kênh văn hóa và di sản, không qua kênh giáo dục tôn giáo trực tiếp.

Một là, tăng cường công tác nghiên cứu tìm kiếm điểm gặp gỡ, tương đồng giữa giá trị Phật giáo với giá trị đạo đức, văn hóa dân tộc.

Giữa mỹ học Phật giáo và hệ giá trị văn hóa dân tộc tồn tại nhiều điểm gặp gỡ có ý nghĩa sâu sắc. Cả hai cùng đề cao lòng nhân ái, tinh thần cộng đồng, sự hài hòa giữa con người với thiên nhiên và lý tưởng hướng thiện. Tuy nhiên, sự tương đồng đó chưa được nhận diện, hệ thống hóa và chuyển hóa thành tài nguyên giáo dục thẩm mỹ một cách bài bản. Đây là khoảng trống học thuật cần được lấp đầy bằng nghiên cứu liên ngành có định hướng rõ ràng trong giáo dục thẩm mỹ kỷ nguyên mới.

Về công tác nghiên cứu. Cần xây dựng chương trình nghiên cứu liên ngành, kết hợp mỹ học Mác - Lênin với Phật học, văn hóa học và dân tộc học nhằm hệ thống hóa các điểm tương đồng giữa giá trị thẩm mỹ Phật giáo với giá trị đạo đức, văn hóa dân tộc. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia và các cơ sở nghiên cứu chuyên ngành cần phối hợp xây dựng

luận cứ khoa học về những điểm gặp gỡ giữa hai hệ giá trị đó. Kết quả nghiên cứu phải được thẩm định độc lập, không phục vụ mục đích tuyên truyền tôn giáo mà phục vụ xây dựng cơ sở lý luận cho chính sách văn hóa quốc gia theo định hướng của Đảng trong kỷ nguyên phát triển mới.

Về công tác tuyên truyền, giáo dục. Đi đôi với nghiên cứu, cần tăng cường tuyên truyền, giáo dục về các giá trị đạo đức, văn hóa, thẩm mỹ Phật giáo phù hợp với truyền thống dân tộc. Hoạt động tuyên truyền cần triển khai qua hệ thống truyền thông đại chúng, chương trình giáo dục địa phương và sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Nội dung tập trung vào những giá trị mang tính phổ quát, gặp gỡ với đạo đức dân tộc, như lòng từ bi, tinh thần vô ngã trong phục vụ cộng đồng, thái độ trân trọng thiên nhiên và môi trường sống, không gắn với nội dung giáo lý tôn giáo thuần túy.

Cách tiếp cận đó phù hợp với quan điểm: Nhà nước giữ vai trò định hướng và kiểm soát nội dung; Giáo hội Phật giáo Việt Nam đóng vai trò cung cấp tư liệu và di sản; giới nghiên cứu học thuật thực hiện nhiệm vụ chuyển hóa di sản đó thành tài nguyên giáo dục thẩm mỹ có giá trị khoa học.

Hai là, tiếp thu tinh thần mỹ học Phật giáo trong giáo dục cảm thụ nghệ thuật

Đại hội XIV nhấn mạnh: "*phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu*"[8] và "*Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước*"[9]. Đây là cơ sở để triển khai tiếp thu, tinh thần mỹ học Phật giáo trong giáo dục của đất nước.

Tiếp thu tinh thần thiền trong giáo dục cảm thụ nghệ thuật. Thiền định với trọng tâm là sự tĩnh tâm, tập trung chú ý và cảm nhận sâu sắc, có thể được nghiên cứu ứng dụng trong giáo dục cảm thụ nghệ thuật ở nhà trường. Đây là sự vận dụng những kỹ thuật tâm lý học được đúc kết từ truyền thống thiền để nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ cho học sinh, sinh viên.

Xây dựng kho tàng tài liệu mỹ học Phật giáo phục vụ giáo dục. Viện Nghiên cứu Phật học, Viện Mỹ thuật và các cơ sở nghiên cứu văn hóa cần phối hợp biên soạn bộ tài liệu chuẩn về thẩm mỹ học Phật giáo Việt Nam, bao gồm các lĩnh vực nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, âm nhạc và văn học. Tài liệu này cần được Hội đồng Khoa học quốc gia thẩm định, phục vụ cho công tác giảng dạy di sản trong nhà trường và bồi dưỡng giáo viên. Đây cũng là hướng mà Phật giáo có thể đóng góp lớn nhất và thiết thực nhất: Cung cấp tư liệu, hiện vật và chuyên gia am hiểu di sản theo yêu cầu của Nhà nước.

Ba là, đưa không gian Phật giáo thành địa điểm học tập di sản thẩm mỹ

Các chương trình học tập thực địa tại những di tích Phật giáo tiêu biểu như Yên Tử, chùa Bút Tháp, chùa Tây Phương, chùa Thiên Mụ... cần được đưa vào chương trình giáo dục địa phương. Nội dung thuyết minh cần do giáo viên được đào tạo chuyên sâu về di sản đảm nhiệm, dựa trên tài liệu chuẩn về giá trị thẩm mỹ kiến trúc và nghệ thuật đã được thẩm định. Trong mô hình này, nhà chùa chỉ cung cấp địa điểm và hỗ trợ hậu cần, còn nội dung giáo dục hoàn toàn do nhà trường kiểm soát, đảm bảo nguyên tắc thế tục trong giáo dục.

Bốn là, phát huy lễ hội Phật giáo như không gian giáo dục thẩm mỹ cộng đồng

Lễ hội Phật giáo là không gian giáo dục thẩm mỹ phi chính quy có quy mô rộng lớn nhất tại Việt Nam hiện nay. Nhà nước có thể phối hợp với Giáo hội Phật giáo Việt Nam để nâng cao chất lượng thẩm mỹ và văn hóa của các lễ hội, đẩy lùi xu hướng thương mại hóa, đồng thời duy trì và phát huy các giá trị di sản nghệ thuật truyền thống. Cục Di sản Văn hóa và Ban Tôn giáo Chính phủ có thể xây dựng bộ tiêu chí đánh giá lễ hội Phật giáo theo hướng bảo tồn giá trị thẩm mỹ và tăng cường gắn kết cộng đồng.

4. Kết luận

Phật giáo Việt Nam sở hữu một hệ thống giá trị thẩm mỹ phong phú, được cất giữ trong ba trụ cột: Phạm trù tinh thần, thiết chế và quan hệ của Phật giáo. Mỹ học Phật giáo, với các phạm trù cốt lõi là Chân - Thiện - Mỹ, Vô thường, Vô ngã và Từ bi, không đối lập mà bổ sung một cách hữu cơ cho mỹ học Mác - Lênin. Trong mối quan hệ đó, mỹ học Mác - Lênin cung cấp phương pháp luận khoa học và định hướng xã hội, mỹ học Phật giáo cung cấp chiều sâu nội tâm và di sản biểu đạt nghệ thuật phong phú, những yếu tố mà giáo dục thẩm mỹ dân tộc hoàn toàn có thể tiếp nhận một cách có chọn lọc.

Trong kỷ nguyên mới, Văn kiện Đại hội XIV của Đảng đã mở ra không gian chính sách cho việc phát huy nguồn lực tôn giáo phục vụ phát triển văn hóa dân tộc. Sự đóng góp lớn nhất của Phật giáo đối với giáo dục thẩm mỹ không nằm ở các chương trình giảng dạy trực tiếp, mà nằm ở kho tàng di sản đã được dân tộc hóa qua hơn hai mươi thế kỷ, từ những không gian thẩm mỹ sống của hàng chục nghìn tự viện, đến hàng triệu sinh hoạt cộng đồng mang đậm dấu ấn Phật giáo. Nhiệm vụ của nghiên cứu khoa học là làm rõ kho tàng đó, giúp Nhà nước tiếp nhận, sàng lọc và chuyển hóa nó thành tài nguyên giáo dục thẩm mỹ quốc gia theo đúng quy định của pháp luật và định hướng của Đảng.

Chú thích:

[*] Họ và tên: Phùng Duy Hiển. Chức danh khoa học: Tiến sĩ. Chức vụ: Phó Chủ nhiệm Bộ môn. Địa chỉ cơ quan làm việc: Trường Sĩ quan Chính trị, Bộ Quốc Phòng

[**] Họ và tên: Phan Văn Hải. Chức danh khoa học: Cử nhân. Chức vụ: Học viên cao học. Địa chỉ cơ quan làm việc: Trường Sĩ quan Chính trị, Bộ Quốc Phòng

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (tập II), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.66

[3] TT Thích Thiện Hạnh (2023), Giá trị kiến trúc Phật giáo Việt Nam, Tạp chí nghiên cứu Phật học,

https://tapchinghiencuuphathoc.vn/gia-tri-kien-truc-phat-giao-viet-nam.html

[4] HT Thích Giác Toàn (2023), Thẩm mỹ Phật giáo thời Lý Trần qua văn chương, http://daophatkhatsi.vn/tham-my-phat-giao-thoi-ly-tran-qua-van-chuong.html

[5] Thích Minh Châu (1997). Đạo đức Phật giáo và hạnh phúc con người. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.78

[6] Thích Nhất Hạnh (2006). Trái tim của Bụt, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, Hà Nội, tr.125

[7] TT Thích Thiện Hạnh (2023), Giá trị kiến trúc Phật giáo Việt Nam, https://tapchinghiencuuphathoc.vn/gia-tri-kien-truc-phat-giao-viet-nam.html

[8] Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (tập II), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.252

[9] Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (tập II), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.66

Tài liệu tham khảo:

1. Thích Minh Châu (1997). Đạo đức Phật giáo và hạnh phúc con người. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (tập II), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

3. Thích Nhất Hạnh (2006). Trái tim của Bụt, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, Hà Nội.

4. TT Thích Thiện Hạnh (2023), Giá trị kiến trúc Phật giáo Việt Nam, Tạp chí nghiên cứu Phật học,

https://tapchinghiencuuphathoc.vn/gia-tri-kien-truc-phat-giao-viet-nam.html

5. HT Thích Giác Toàn (2006), Thẩm mỹ Phật giáo thời Lý Trần qua văn chương, Nxb. Tổng hợp, TP. Hồ Chí Minh.

6. HT Thích Giác Toàn (2023), Thẩm mỹ Phật giáo thời Lý Trần qua văn chương,http://daophatkhatsi.vn/tham-my-phat-giao-thoi-ly-tran-qua-van-chuong.html

Tác giả: **Phùng Duy Hiển*; Phan Văn Hải****